

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 20/10/2023
V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoàng Nga
2. Ông Trần Kim Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1991; địa chỉ: TDP PV, thị trấn TP, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam;

* Vắng mặt có lý do (chị N có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1985; địa chỉ: TDP PV, thị trấn TP, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; hiện trú tại: Xóm S, xã ĐB, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh;

* Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Viết T là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2012 tại UBND xã QT (nay

là thị trấn TP), huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không lo cho con cái, không có trách nhiệm với gia đình. Thực tế hai vợ chồng không sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Việt T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Việt Duy M, sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Việt Minh D, sinh ngày 24/9/2015. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Việt T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Thu N là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2012 tại UBND xã Quế T (nay là thị trấn TP), huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; thời gian đầu chung sống bình thường đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh bỏ về quê sinh sống từ đó đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh thống nhất.

- Về con chung: Như chị N trình bày. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi 01 con; nuôi cháu nào cũng được và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:*

- Về phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Việt Duy M, sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Việt Minh D, sinh ngày 24/9/2015 cho đến khi T niên. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Việt T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Việt T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị N yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác để giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, anh Nguyễn Việt T thống nhất với yêu cầu của chị N; đồng thời, anh xin giải quyết vắng mặt tại Phiên công khai chứng và Hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn; phía chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Việt T có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2009 tại UBND xã QT(Nay là thị trấn TP), huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không lo cho con cái, không có trách nhiệm với gia đình. Thực tế hai vợ chồng không sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Việt T. Vì chị N cho rằng, thực tế hai vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay mà không quan tâm nhau nữa và chị có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm do đó không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Chị N kiên quyết xin ly hôn, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Việt Duy M, sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Việt Minh D, sinh ngày 24/9/2015. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; còn anh T cũng có nguyện vọng nuôi một cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh T và chị N không chung sống với nhau thì cả hai cháu cùng ở với mẹ và được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc mà anh T không hề quan tâm đến các con; Hơn nữa, chị N có công việc và thu nhập ổn định. Các cháu Nguyễn Việt Duy M và Nguyễn Việt Minh D đều có nguyện vọng được ở với mẹ và thực tế các cháu vẫn ở với mẹ ổn định từ trước đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của các cháu là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu N về việc “Ly hôn và nuôi con chung” với anh Nguyễn Việt T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Nguyễn Việt T.

- **Về con chung:** Giao các cháu Nguyễn Việt Duy M, sinh ngày 28/9/2012 và Nguyễn Việt Minh D, sinh ngày 24/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về Án phí:** Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003106 ngày 20/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QT, Nông Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tam

